

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm hàng hóa đồ vào, tiện y công tác cho Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An.

- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua sắm hàng hóa đồ vải, tiện y công tác cho Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2025.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An.

- Địa chỉ thực hiện: Số 19, đường Tôn Thất Tùng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu qua mạng: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả hoặc từ người bệnh chi trả và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2025.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **1.2.1. Yêu cầu chung: Các thiết bị chính của gói thầu:**

- Tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hóa có xuất xứ rõ ràng; e-HSĐT thể hiện thông số kỹ thuật của hàng hoá hoàn toàn phù hợp theo yêu cầu của E-HSMT. Hàng hóa là hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.

- Có cam kết thu hồi hàng hóa hỏng hóc, đổi hàng mới trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng mà nguyên nhân không do lỗi bên mua. Sẵn sàng khắc phục sự cố hàng hóa  $\leq 24$  giờ kể từ khi nhận được yêu cầu qua điện thoại của bên mua.

- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu chào mức giá trần áp dụng cho dịch vụ có thông số kỹ thuật được nêu tại Mục 1.2.2 Yêu cầu chi tiết hoặc tương đương (Không bao gồm tương đương về xuất xứ và nhãn hiệu), đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành và các chi phí vận chuyển, GTGT, chi phí nhân công, hóa chất, thiết bị, vật tư, bảo hộ, chi phí điện nước...

- Nhà thầu có cam kết thực hiện cung cấp hàng hoá đảm bảo số lượng, chất lượng, tiến độ.

- Hàng hoá được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý chất lượng: sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc: Trang phục y tế, đồ vải y tế, trang phục công sở. ISO 14001:2015 Hệ thống quản lý môi trường: sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc: Trang phục y tế, đồ vải y tế, trang phục công sở. Có bản công bố Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất.

- Hàng hoá may bằng chất liệu chịu được độ ẩm và nhiệt độ cao, an toàn cho người sử dụng.

- Hàng hóa may đạt trình độ cao về thẩm mỹ cũng như độ bền của sản phẩm, đáp ứng được đặc thù sử dụng của ngành Y tế.

- Hàng hóa được tổ kiểm tra chất lượng giám sát chặt chẽ trong quá trình sản xuất và trước khi xuất xưởng, bàn giao cho khách hàng.

- Hàng hóa có ký mã hiệu của Công ty và có phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng kèm theo từng sản phẩm.

### 1.2.2. Yêu cầu chi tiết:

- Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật như quy định dưới đây:

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
A	Chi phí mua sắm hàng hóa				
1	Săng xanh 1 lớp 1,2 x0,8	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	*) Tiêu chí - Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton - Màu sắc: Màu xanh - Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> ): 274 (±3) (TCVN 8042:2009) - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989) - Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986) - Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012) - Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000) *) Kích thước và kiểu dáng: - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. *) Cách thức may đo, bàn giao:	Cái	1200

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì		
2	Săng xanh 1 lớp 1,4x1,2	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Cái	1200
3	Săng xanh 1 lớp 1,8 x1,6	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Cái	400
4	Săng xanh 1 lớp 0,8 x0,8	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> </ul>	Cái	500

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>		
5	Áo choàng phẫu thuật viên	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	800
6	Váy sản phụ hoa xanh trắng	Vải thun co giãn hoa xanh trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải thun co giãn</li> <li>- Màu sắc: Hoa xanh trắng</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 129 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 307 (<math>\pm 3</math>); ngang 180 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Polyeste (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 51</math>, Ngang (N) <math>\geq 30,1</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:</li> </ul>	Cái	1000

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng theo từng bộ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng mặt ngoài bao bì.</li> </ul> </li> </ul>		
7	Áo sản phụ hoa xanh trắng	Vải thun co giãn hoa xanh trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải thun co giãn</li> <li>- Màu sắc: Hoa xanh trắng</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 129 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 307 (±3); ngang 180 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Polyeste (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 51, Ngang (N) ≥ 30,1 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng theo từng bộ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng mặt ngoài bao bì.</li> </ul> </li> </ul>	Cái	700
8	Quần bệnh nhân trẻ em	Vải thô kẻ sọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải thô kẻ sọc</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 117 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 248 (±3); ngang 236 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Polyeste (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 56,4; Ngang (N) ≥ 33,4 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT (có in logo) và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng theo từng bộ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng mặt ngoài bao bì.</li> </ul> </li> </ul>	Cái	200
9	Áo bệnh nhân trẻ em	Vải thô kẻ sọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải thô kẻ sọc</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 117 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> </ul> </li> </ul>	Cái	200

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 248 (<math>\pm 3</math>); ngang 236 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Polyeste (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 56,4</math>; Ngang (N) <math>\geq 33,4</math> (ISO 13937-1:2000)</li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT (có in logo) và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng theo từng bộ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng mặt ngoài bao bì.</li> </ul> </li> </ul>		
10	Săng vải gói 2 lớp 1,0x1,0	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	700
11	Săng vải gói 2 lớp 0,6 x 0,6	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:</li> </ul>	Cái	300

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>		
12	Săng vải gói 2 lớp 0,8 x 0,8	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	500
13	Săng xanh 0,2x0,3x1 lớp	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	100
14	Săng xanh có lỗ	Vải Kaki 100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> </ul> </li> </ul>	Cái	200

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	0,5x0,6x1 lớp	Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>		
15	Săng xanh có lỗ 1,2x0,8mx1 lớp	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (±3); ngang 224 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥11, Ngang (N) ≥ 16,2 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Cái	100
16	Ga trải giường trắng 1,25m x 2,3m	Vải Kaki ≥20% cotton, màu trắng	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki ≥ 20% cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 259 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 482 (±3); ngang 261 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 79 % (±1%) Polyeste, 21% bông (±1%) (ISO/TR 11827:2012) (TCVN 5465-1: 2009) (TCVN 5465-11:2009)</li> </ul>	Cái	500

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 55,2</math>; Ngang (N) <math>\geq 62,9</math> (ISO 13937-1:2000)</li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT (có in logo) và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng cái, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì.</li> </ul> </li> </ul>		
17	Ga trải giường xanh 1,25m x 2,3	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	1000
18	Ga trải giường xanh 1,1m x 2,4	Vải Kaki 100% Cotton, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>*) Tiêu chí <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Kaki 100% Cotton</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 274 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 456 (<math>\pm 3</math>); ngang 224 (<math>\pm 3</math>) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% bông (ISO/TR 11827:2012)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) <math>\geq 11</math>, Ngang (N) <math>\geq 16,2</math> (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> </li> <li>*) Kích thước và kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> </li> <li>*) Cách thức may đo, bàn giao: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói, ghi rõ kích cỡ, tên sản phẩm, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul> </li> </ul>	Cái	100

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
19	Quần áo điều dưỡng, KTV	Vải ford, màu trắng	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải Ford</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 153 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 252 (±3); ngang 266 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 66,7% (±1%) Polyeste, 33,3% (±1%) Bông (ISO/TR 11827:2012) (TCVN 5465-1: 2009) (TCVN 5465-11:2009)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 23,2; Ngang (N) ≥ 27 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng bộ, ghi rõ tên từng người, tên khoa phòng, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Bộ	782
20	Quần Áo bác sỹ	Vải kaki thun, màu trắng	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải kaki thun</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 255 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 2/2 (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 467 (±3), ngang 336 (±3) (TCVN:1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 74,5% (±1%) polyeste; 23,5% (±1%) Visco; 2% (±1%) Spandex (ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 86,3 Ngang (N) ≥ 74,4 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT, có in logo và đúng số đo từng người, theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng bộ, ghi rõ tên từng người, tên khoa phòng, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Bộ	420
21	Áo vãn phòng	Vải bamboo	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải bamboo sợi tre</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> </ul>	Cái	181

STT	Nội dung	Loại vải, màu sắc	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		sợi tre, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 170 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 426 (±3); ngang 310 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 60,5% (±1%) polyeste; 37% (±1%) Visco; 2,5% (±1%) Spandex (ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 45,8; Ngang (N) ≥ 30,7 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT, có in logo, đúng số đo từng người và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng bộ, ghi rõ tên từng người, tên khoa phòng, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>		
22	Quần vải phòng/Chân váy vải phòng	Vải tuytsi, màu tối	<p>*) Tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại vải: Vải tuytsi</li> <li>- Màu sắc: Màu tối</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 333 (±3) (TCVN 8042:2009)</li> <li>- Kiểu dệt: Dệt thoi nhiều lớp (TCVN 4897:1989)</li> <li>- Mật độ (ĐVT: sợi/10cm): dọc 743(±3); ngang 380 (±3) (TCVN 1753:1986)</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 92,5% (±1%) polyeste; 7,5% (±1%) Spandex (ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-12:2009)</li> <li>- Độ bền xé rách (N): Dọc (N) ≥ 53,2; Ngang (N) ≥ 74,9 (ISO 13937-1:2000)</li> </ul> <p>*) Kích thước và kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015/TT-BYT, đúng số đo từng người và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</li> </ul> <p>*) Cách thức may đo, bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng bộ, ghi rõ tên từng người, tên khoa phòng, số lượng ở mặt ngoài bao bì</li> </ul>	Cái	181

Nhà thầu chào mức giá tối đa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành và các chi phí vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại đơn vị sử dụng.

### **1.3. Các yêu cầu khác:**

#### ***1.3.1 Yêu cầu về hàng mẫu (áp dụng đối với quần áo bác sỹ, điều dưỡng và cán bộ nhân viên bệnh viện):***

- Có văn bản cam kết cung cấp hàng mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V-E-HSMT và đảm bảo đồng bộ với mẫu Bệnh viện đang sử dụng.

- Vì là hàng hóa không có sẵn trên thị trường và để đảm bảo tính đồng bộ với các sản phẩm bệnh viện đang sử dụng nên do đó Bệnh viện yêu cầu nhà thầu cung cấp hàng mẫu để đánh giá chất liệu vải, đường may, màu sắc phù hợp

\* Bệnh viện sẽ cung cấp hàng mẫu tại buổi đối chiếu tài liệu E-HSMT, Nhà thầu tiến hành lấy mẫu và nộp hàng mẫu trong vòng 7 ngày kể từ ngày lấy mẫu để bệnh viện để có cơ sở triển khai bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Bản vẽ (Không có)**

#### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:**

Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa nhà thầu cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

Các kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa được thực hiện theo các quy định sau:

1. Thời gian: Thử nghiệm hàng mẫu trong thời điểm trước khi thương thảo hợp đồng và hàng hóa bất kỳ trong lúc bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng.

2. Địa điểm: Bên mời thầu sẽ thông báo cụ thể cho nhà thầu trong quá trình thương thảo hợp đồng.

3. Cách thức tiến hành thử nghiệm:

- Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng mẫu đã cung cấp dưới sự giám sát của chủ đầu tư (Bên mời thầu) và cán bộ kỹ thuật đại diện của chủ đầu tư . Chủ đầu tư có thể mời thêm đơn vị thứ 3 có chức năng thử nghiệm để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, đặc tính kỹ thuật ...hoàn toàn phù hợp với các quy định trong E-HSMT. Nếu không đạt các yêu cầu trong E-HSMT thì nhà thầu sẽ bị loại.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm chi trả.

4. Cách thức xử lý đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm trong thời gian thực hiện hợp đồng:

- Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí, đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc

chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư (Bên mời thầu) có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Sau khi hoàn thành các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.